

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/4/2022.  
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cao Thị Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Võ An C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

*(Chị T có đơn xét xử vắng mặt, anh C có đơn xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Cao Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Võ An C sống chung với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 31/3/2005. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường xuyên gây gổ, anh C lo thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 05/2021 cho đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột chị sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ An C.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ An Đ, sinh ngày 13/3/2007 và Võ Hoài N, sinh ngày 30/12/2011. Hiện nay cháu Võ An Đ đang sống chung với anh C, cháu Võ Hoài N hiện đang sống chung với chị T. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Hoài N, chị đồng ý giao cháu Võ An Đ cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Võ An C trình bày:

Anh C thống nhất về thời gian chung sống, kết hôn, đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Tùy con chung muốn sống chung với ai thì sống, anh C không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Thanh T với anh Võ An C.

- Về con chung: Giao cháu Võ Hoài N, sinh ngày 30/12/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Võ An Đ, sinh ngày 13/3/2007 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Chị T và anh C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ

Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ kết quả xác minh trên thực tế chị Cao Thị Thanh T và anh Võ An C sống chung với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 31/3/2005, giữa chị T và anh C có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường hau uống rượu về nhà kiếm chuyện cự cãi, gây gổ với chị T, hiện nay chị T và anh C đã không còn sống chung. Do đó, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh C là có cơ sở. Anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T nên được ghi nhận.

[4] Về con chung: đối với cháu Võ Hoài N, sinh ngày 30/12/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với chị T, do chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng muốn sống chung với chị T nên việc chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với cháu Võ An Đ, sinh ngày 13/3/2007 hiện nay cháu Đ đang sống chung với anh C. Cháu Đ có nguyện vọng muốn sống chung với anh C nên việc chị T tự nguyện đồng ý giao cháu Đ cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị T và anh C thống nhất tự nguyện không ai cấp dưỡng nuôi con chung nên chị T, anh C không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Thanh T.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thanh T và anh Võ An C.

- Về con chung: Giao cho chị Cao Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Hoài N, sinh ngày 30/12/2011 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động được. Giao cho anh Võ An C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ An Đ, sinh ngày 13/3/2007 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, lao động được. Chị T, anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: Chị Cao Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006013 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Thạnh Nhứt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**Đặng Thị Thanh Trinh**

